

Số: /KL-BHXH

Đắk Nông, ngày tháng 11 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên ngành đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đột xuất; kiểm tra việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn tại Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Đồng

Thực hiện Quyết định số 654/QĐ-BHXH ngày 07/10/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Đoàn thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) đột xuất; kiểm tra việc thực hiện, thanh toán các chế độ BHXH ngắn hạn tại Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Đồng (sau đây gọi là Đoàn thanh tra), đã tiến hành thanh tra, kiểm tra ngày 17/10/2022 đối với Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Đồng (sau đây gọi là đơn vị).

Xét báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra ngày 27/10/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc BHXH tỉnh Đắk Nông kết luận như sau:

I. Khái quát chung

Tên đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Đồng.

Mã đơn vị tham gia BHXH: HB0048B.

Địa điểm đóng trụ sở chính: Thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của đơn vị: Ông Phan Xuân Ý, sinh ngày 14/3/1968, CCCD số 042068018547 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021, chức danh: Hiệu trưởng.

Số tài khoản giao dịch: 3713.0.1091510.00000 tại Kho bạc Nhà nước Cư Jút.

Phương thức đóng: Đơn vị đóng BHXH, BHTN, BHYT theo phương thức hàng tháng.

Chức năng, nhiệm vụ: Trường THCS Phạm Văn Đồng được thành lập theo Quyết định số 700/QĐ-CTUBND ngày 14/10/1999, có chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục; Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHTN, BHYT

a. Đối tượng đóng

Tình hình quản lý, sử dụng lao động và đăng ký tham gia BHXH, BHTN,

BHYT tại thời điểm 30/9/2022 theo báo cáo của đơn vị cụ thể như sau:

- Số lao động đang quản lý: 71 người.
- Số lao động đang tham gia BHXH: 71 người.
- Số lao động chưa tham gia BHXH: 0 người.

Kết quả thực hiện: Kiểm tra Quyết định phân công công tác, bảng thanh toán tiền lương, giấy thôi trả lương do đơn vị cung cấp, đối chiếu hồ sơ, số liệu, dữ liệu do cơ quan BHXH đang quản lý nhận thấy đơn vị đăng ký lao động tham gia BHXH, BHTN, BHYT chưa đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Trường hợp bà Phạm Thị Yến (mã số BHXH 6407002324) được phân công đến công tác tại Trường THCS Phạm Văn Đồng trước ngày 15/11/2021 theo Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Cư Jút; Giấy thôi trả lương ngày 09/11/2021 của Trường THCS Phạm Hồng Thái, đơn vị đã thanh toán tiền lương, trích nộp BHXH, BHTN, BHYT nhưng đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT chưa kịp thời theo quy định của Luật BHXH ngày 20/11/2014, Luật việc làm, Luật BHYT, BHXH tỉnh Đắk Nông truy thu thời gian phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT từ tháng 12/2021 đến tháng 01/2022, hệ số lương 3,99, phụ cấp thâm niên nghề (PC TNN) 14% với tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT là 4.337.545 đồng (chưa bao gồm lãi truy thu).

b. Mức đóng

Đơn vị trả lương và đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động theo mức lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

Kiểm tra dữ liệu tham gia BHXH, BHTN, BHYT của người lao động do cơ quan BHXH đang quản lý, đối chiếu với hồ sơ nâng lương của người lao động cho thấy còn một số tồn tại sau:

- Truy thu mức tiền lương tham gia BHXH, BHTN, BHYT của 12 trường hợp với số tiền tạm tính 1.711.589 đồng (Phụ lục 01, chưa bao gồm lãi truy thu).

- Thoái thu mức tiền lương tham gia BHXH, BHTN, BHYT của 04 trường hợp với số tiền tạm tính 543.023 đồng (Phụ lục 01).

- Có 28 trường hợp có quá trình lương tham gia BHXH, BHTN, BHYT chưa đúng với quy định của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 (Phụ lục 01).

- Trường hợp ông Phan Xuân Ý (mã số BHXH 4096038491) được bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Văn Đồng từ ngày 19/8/2021 theo Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Cư Jút, tuy nhiên, kiểm tra dữ liệu thu BHTN do cơ quan BHXH đang quản lý cho thấy đơn vị chưa báo tăng lao động tham gia BHTN cho trường hợp ông Phan Xuân Ý căn cứ theo quy định của Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013; Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

c. Phương thức đóng

Trong năm 2021 và 09 tháng đầu năm 2022, theo thông báo kết quả đóng BHXH, BHTN, BHYT của cơ quan BHXH, tình hình thực hiện đóng BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị như sau:

- Số tiền kỳ trước chuyển sang: 0 đồng.
- Số tiền phải đóng trong kỳ: 3.628.025.664 đồng.
- Số tiền đã đóng trong kỳ: 3.627.876.479 đồng.
- Số tiền thiếu chuyển sang kỳ sau: 149.185 đồng.

Kết quả thực hiện: Theo thông báo kết quả đóng BHXH, BHTN, BHYT của cơ quan BHXH, trong năm 2021 và 09 tháng đầu năm 2022 đơn vị thực hiện trích nộp BHXH, BHTN, BHYT đúng theo phương thức đóng hàng tháng. Tính đến ngày 30/9/2022, đơn vị còn thiếu số tiền 149.185 đồng (chưa bao gồm số tiền điều chỉnh tại điểm a, b).

d. Các vấn đề khác

BHXH huyện thực hiện truy thu cộng nổi tổng thời gian trên 06 tháng trở lên do đơn vị đề nghị đối với trường hợp bà Phạm Thị Yến (mã số BHXH 6407002324) chưa đủ theo hồ sơ quy định tại tiết c điểm 2.3 khoản 2 Điều 38 Văn bản hợp nhất số 2089/VBHN-BHXH ngày 26/6/2020 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT (tổng thời gian đơn vị đề nghị truy thu là 07 tháng, BHXH huyện đã thực hiện truy thu 05 tháng).

2. Kiểm tra việc giải quyết, thanh toán các chế độ BHXH ngắn hạn

Trong năm 2021 và 09 tháng đầu năm 2022, đơn vị thực hiện giải quyết các chế độ BHXH ngắn hạn như sau:

- Giải quyết chế độ ốm đau cho 17 lượt hưởng với số tiền 27.737.469 đồng.
- Chế độ thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe không phát sinh.

Kết quả kiểm tra: Kiểm tra dữ liệu thanh toán các chế độ BHXH ngắn hạn trên Hệ thống quản lý chính sách, dữ liệu thu BHXH của người lao động trên Hệ thống Quản lý thu và sổ thẻ do cơ quan BHXH quản lý, đối chiếu với bảng thanh toán tiền lương do đơn vị cung cấp cho thấy, đơn vị đã đề nghị cơ quan BHXH thanh toán chế ốm đau cho người lao động đúng quy định. Số tiền giải quyết đã được cơ quan BHXH chuyển vào tài khoản cá nhân của người lao động.

III. Kết luận

1. Thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHTN, BHYT

a. Những quy định của pháp luật đã được thực hiện

- Trả lương và đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

- Đóng BHXH, BHTN, BHYT đúng theo phương thức đóng hàng tháng.

b. Những quy định của pháp luật chưa được thực hiện đầy đủ

- Đăng ký lao động phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT chưa đúng thời gian theo quy định của pháp luật đối với 01 trường hợp.

- Điều chỉnh mức lương đóng BHXH, BHTN, BHYT của một số trường hợp chưa đúng theo quyết định nâng bậc lương, PC TNN được hưởng.

- Chưa đăng ký tham gia BHTN đối với 01 trường hợp.

2. Kiểm tra giải quyết, thanh toán các chế độ BHXH ngắn hạn

Tiếp tục thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ BHXH ngắn hạn cho người

lao động.

3. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHTN, BHYT đột xuất:

Đề nghị đơn vị:

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; phối hợp chặt chẽ với cơ quan BHXH để điều chỉnh khi có tăng, giảm lao động hoặc mức đóng để đóng đầy đủ, kịp thời, bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

- Lập hồ sơ báo tăng lao động tham gia BHXH, BHTN, BHYT của trường hợp bà Phạm Thị Yến.

- Phối hợp với cơ quan Nội vụ, cơ quan cấp trên xác định thời điểm chuyển từ công chức sang viên chức đối với ông Phan Xuân Ý chức danh Hiệu trưởng để lập hồ sơ đóng BHTN theo quy định.

- Lập hồ sơ điều chỉnh mức lương đóng BHXH, BHTN, BHYT của những trường hợp trên.

- Phối hợp với BHXH huyện Cư Jút kiểm tra, đối chiếu và chuyển nộp số tiền còn thiếu vào tài khoản chuyên thu của BHXH huyện trước ngày 10/11/2022.

Yêu cầu BHXH huyện Cư Jút:

- Thực hiện truy thu cộng nối tổng thời gian trên 06 tháng trở lên đúng theo quy định.

- Tăng cường công tác đôn đốc, đối chiếu thu; phối hợp với đơn vị, người lao động và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát và điều chỉnh quá trình lương tham gia BHXH, BHTN, BHYT của những trường hợp trên theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

Đề nghị đơn vị thực hiện Kết luận của Giám đốc BHXH tỉnh Đắk Nông trước ngày 15/11/2022. Giao Phòng Thanh tra - Kiểm tra phối hợp BHXH huyện Cư Jút theo dõi, đôn đốc đơn vị thực hiện Kết luận và báo cáo kết quả về Giám đốc BHXH tỉnh Đắk Nông trước ngày 20/11/2022./.

Nơi nhận:

- Trường Trung học cơ sở Phạm Văn Đồng;
- Giám đốc;
- Các PGĐ;
- Phòng Quản lý thu;
- BHXH huyện Cư Jút;
- Công thông tin điện tử BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, TTKT.

GIÁM ĐỐC

Võ Thị Ái Liễu

DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH MỨC ĐÓNG BHXH, BHTN, BHYT

(Ban hành kèm theo Kết luận số: /KL-BHXH ngày /11/2022 của Giám đốc BHXH tỉnh Đắk Nông)

STT	Họ tên	Mã số BHXH	Mức tiền lương do cơ quan BHXH đang quản lý thu				Mức tiền lương đơn vị chi trả				Từ tháng	Đến tháng	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
			Hệ số lương	PC chức vụ	PC TNVK	PC TNN	Hệ số lương	PC chức vụ	PC TNVK	PC TNN					
I	Truy thu												1.711.589		
1	Nguyễn Thị Thúy	4001002606	4,580			23%	4,580			24%	09/2022	09/2022	1	21.837	
2	Nguyễn Thị Ngọc Phương	4001002708	4,650			20%	4,650			21%	09/2022	09/2022	1	22.171	
3	Nguyễn Thị Vy	4003003137	4,320			19%	4,320			20%	07/2022	09/2022	3	61.793	
4	Phan Thị Trang Nhung	4096000828	4,980		7%	30%	4,980		7%	31%	09/2022	09/2022	1	25.264	
5	Đậu Thị Xuân	4096000831	4,890			27%	4,890			28%	09/2020	08/2021	12	279.786	Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 14/3/2013, TNN tháng 5/2011 là 18%, 9/2011 là 19%
			4,890			27%	4,890			29%	09/2021	02/2022	6	279.786	
			4,890		5%	29%	4,890		5%	30%	09/2022	09/2022	1	24.553	
6	Trịnh Thị Chung	4096038468	4,890		6%	29%	4,890		6%	30%	09/2022	09/2022	1	24.748	Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 18/6/2021, nâng lương thâm niên vượt khung từ ngày 01/3/2021
			4,89			28%	4,890		5%	28%	03/2021	03/2021	1	116.578	
7	Phạm Thị Huế	6406000258	3,990			14%	3,990			15%	09/2021	08/2022	12	228.292	
			3,990			14%	3,990			16%	09/2022	09/2022	1	38.049	

8	Phạm Văn Vinh	6407001611	4,320			17%	4,320			18%	03/2022	09/2022	7	144.184	
9	Phạm Văn Cường	6407002318	3,330			11%	3,660			11%	03/2019	03/2019	1	162.930	QĐ số 1622/QĐ-UBND ngày 28/6/2019
10	Nguyễn Thị Xuân	4001002604	4,65	0.200		19%	4,980	0,200		19%	01/2019	01/2019	1	146.784	Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, nâng lương từ ngày 15/01/2019
11	Bùi Thị Hòa	4002000574	3,30			9%	3,330			9%	05/2011	12/2011	8	56.772	Quyết định số 1929/QĐ-CT.UBND ngày 04/7/2011, nâng lương từ ngày 25/4/2011
12	Nguyễn Chí Thiết	4003003189	3,00	0,45		9%	3,330	0,450		9%	04/2012	04/2012	1	78.062	Quyết định số 1392/QĐ-CT.UBND ngày 10/7/2012, nâng lương từ ngày 05/3/2012
II	Thoái thu													543.023	
1	Nguyễn Thị Xuân	4001002604	4,980			5%	23%	4,980		22%	01/2022	01/2022	1	51.051	Chưa đủ thời gian giữ bậc lương cuối cùng trong ngạch theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP
2	Đào Thị Quỳnh Trang	6407001609	3,260	0,200				3,060	0,200		04/2022	04/2022	1	95.360	Điều chỉnh chức danh Tổ trưởng Tổ Văn phòng
3	Trần Kim Duyên	4002004738	4,320			20%	4,270			19%	01/2022	03/2022	3	146.902	QĐ số 1368/QĐ-UBND ngày 13/6/2022
			4,320			20%	4,270			20%	04/2022	09/2022	6	171.648	
4	Đặng Thị Phan Dung	6407001610	3,00			5%	2,67			5%	02/2012	02/2012	1	78.062	Quyết định số 1396/QĐ-CT.UBND ngày 10/7/2012, nâng lương từ ngày 23/02/2012

III Danh sách đề nghị rà soát			
1	Trịnh Thị Thu Hương	4001002603	9/2018-11/2018 (4,27 4TH; 12/2018-11/2020 HSL 4,58; 12./2020-2/2021 HSL 4,27; 3/2021-9/2022 4,58); THU THIẾU 20% TNN; 12/2020-9/2022 (22 THÁNG TNN 23%). hsl 4,58 từ ngày 15/3/2021 theo QĐ 1684/QĐ-UBND ngày 16/6/2021; Qđ 4,27 từ ngày 15/9/2018 theo QĐ 2855/QĐ-UBND ngày 28/12/2018); thoái thu từ tháng 12/2018-11/2020 (0,31, 24 tháng); thoái thu tnn 12/2018-11/2019 từ 21%-20% (12th); thoái thu tnn 12/2020-11/2021 từ 23%-22% (12th); thoái thu tnn 12/2019-11/2020 từ 22%-21% (12th);
2	Nguyễn Thị Xuân	4001002604	09/2018 -11/2018,4Th hsl 4,27; 12/2018-11/2020 HSL 4,58; 12./2020-2/2021 HSL 4,27; 3/2021-9/2022 4,58);
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	4001002609	4/2006-2/2009 (35th hsl 2,72). hsl 3,03 từ 26/3/2009 theo QĐ 2076/QĐ-CT-UBND ngày 02/01/2009 thoái thu 01 tháng 0,31 (4/2009)
4	Đào Thị Thu Hương	4001002615	10/2004-2/2009 (53TH 2,72), KT qđ CN 3,00; 3/2016-3/2019 (37TH 3,99; 4/2019-8/2021(29TH 4,32);09/2019- 08/2021 (24TH 18% TNN, KO THU 19%). Thời gian giữ hệ số lương 2,72 là 53 tháng; TNN 18%, 24 tháng
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	4001002694	6/2005-4/2008 (35TH 2,72). QĐnl số 390/QĐ-UB ngày 10/3/2006 lên 2,72 từ ngày 15/5/2005, QĐ chuyển xếp lương cũ sang lương mới số 1464 ngày 11/7/2005 từ 1,86 sang 2,41, thời gian nâng lương lần sau tính từ 15/5/2005, Qđ nl 1410/QĐ-CTUBND ngày 19/6/2008 từ 2,72 lên 3,03 từ 15/5/2008
6	Nguyễn Thị Ngọc Phương	4001002708	09/2010 -04/2011 (HSL 3,33 (8TH),05/2011 - 08/2011 (4 TH,HSL 3,00). Truy thu từ 05/2011- 08/2011 (4th) hsl 0,33 (từ 3,00 lên 3,33)(Qđ 4706/QĐ-CT-UBND ngày 29/12/2011
7	Trịnh Thị Gấm	4001002710	4/2009-2/2012 hsl 3,03 (35th), kt QĐ cn. QĐNL lên 3,34 ngày 26/3/2012 theo QĐ 1389/QĐ-CTUBND ngày 10/7/2012
8	Lê Thị ánh	4001002717	4/2018-11/2018 (4,27) (8th); 12/2018 -10/2022(46th 4,58); 12/2017-11/2018 19%TNN, không thu 20%TNN, 12/2020-9/2022 23 th 23%tnn). 4/2018-3/2021 (hsl 4,27) (nâng bậc lương từ 4,27 lên 4,58 theo QĐ 1632/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 từ ngày 1/4/2021 (thoái thu từ tháng 12/2018-3/2021, chênh lệch 0,31 28th), thoái thu tnn (12/2018-11/2019 (1% tnn (từ 21% xuống 20%(12th), thoái thu tnn (12/2019-11/2020 1% (từ 22% xuống 21% (12th), thoái thu tnn (12/2020-11/2021 1% (từ 23% xuống 22% (12th), tnn (12/2021-9/2022 (từ 23%)
9	Bùi Thị Hòa	4002000574	05/2011 -12/2011 (8TH HTL3,0
10	Trần Kim Duyên	4002004738	04/2008-12/2010 (33TH 2,72). có QĐ số 1926/QĐ-CT-UBND ngày 4/7/2011 (hưởng 3,03 từ ngày 4/01/2011)
11	Đỗ Thị Thái	4003003154	KT QĐ CN 4/2014, 05/2012-02/2015 HSL 3,33 (34TH). QĐ cn từ 2,72 lên 3,00 theo số qđ 465/QĐ-CT-UBND ngày 03/4/2012, thời gian hưởng lương mới từ ngày 3/4/2012, thời gian tính nâng lương lần sau 5/3/2009), truy thu 3,4//2012 (hsl 0,33)
12	Nguyễn Chí Thiét	4003003189	03/2009-03/2012 (37th 2,72)ktqđcn,05/2012-8/2014 3,33(28th)
13	Nguyễn Thành Tâm	4003003191	05/2008-12/2010 (2,72, 32TH);01/2017-03/2020 42TH HSL 3,65
14	Nguyễn Thị Ngư	4096000826	01/2021-9/2022 (30%TNN 21 TH). đề nghị tăng TNN từ 30-31% (1/2022-9/2022)

15	Đậu Thị Xuân	4096000831	09/2019- 02/2022 (30th TNN 27%); 03/2022 -10/2022 (7th TNN 29%). BL 1/2021-8/2021 TNN là 28% (truy thu 1%) từ tháng 1/2021-8/202
16	Trịnh Thị Chung	4096038468	03/2018-03/2021 (37TH 4,89) TNVK 5%,6% SAI THEO)
17	Võ Thị Hồng Lan	4096038471	03/2021-08/2021(6TH 29%TNN). đã KT (3/2021-2/2022 (hưởng tnn 29%), thoái thu tnn 9/2021-2/2022 1% tnn
18	Huỳnh Thị Ngọc Lan	4099064537	01/2020-12/2021 24TH 22%TNN
19	Đào Thị Quỳnh Trang	6407001609	11/2016-04/2018 (HSL 2,62) KIỂM TRA QĐ XEM XẾP LƯƠNG NGẠCH NÀO, 05/2020- 3/2022 (3,06 23TH),01/2022-9/2022 văn thư thu pccv 0,2). QĐ số 1697/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 chuyển chức danh nghề nghiệp từ hs 2,62 lên 2,66 từ ngày ký QĐ, nâng lương lần sau 16/10/2016 (truy thu lệnh chệch lương từ 8/2017-4/2018 (9th , mức chênh lệch 0,04); qđ nl từ 2,86-3,06 từ 16/4/2020 theo QĐ số 1588/QĐ-UBND ngày 30/6/2020; qđ 1324/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 từ 3,06 lên 3,26 từ ngày 16/4/2022;
20	Đặng Thị Phan Dung	6407001610	03/2009-01/2012 (35th 2,67;02/2012-02/2015 (37th 3,00),
21	Hoàng Thị Hạnh	6407001616	04/2021-9/2022 (18TH TNN 19%)
22	Mai Văn Hưng	6407002321	09/2021-9/2022 (THU SAI TNN 1%). thoái thu 1% tnn (10/2021-8/2022 (11th) (đã kt bl từ 10/2021-8/2022) hưởng TNN 15%)
23	Nguyễn Thị Hải Sâm	6708001621	KTQĐ NL 3,33 THÁNG NÀO, 04/2019-08/2021 (29TH 3,66). Qđnl số 1340/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 từ 3,00 lên 3,33 từ ngày 8/3/2016, truy thu 0,33 (01 th) tháng 3/2019); qđ số 1648/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 nl từ 3,33 lên 3,66 từ 8/3/2019
24	Nguyễn Kim Dung	6708001735	KQĐCN 3,33 THỜI ĐIỂM NÀO
25	Hoàng Thị Hằng	6710000891	07/2020-9/2022 (27TH 3,06). chưa có QĐNL 3,26 (ĐÚNG)
26	Phạm Thị Yến	6407002324	12/2021- 01/2022 (KT 2 TH KO TGBHXH), 2/2022 TNN 15% KO ĐÚNG
27	Ngô Thị Việt Hà	6712002155	11/2020- 08/202 (TNN KO ĐÚNG 10TH 7%)
28	Nguyễn Thành Công	6404000431	04/2013-08/2015(29TH 3,33),04/2013 -02/2014 (11TH ,TNN 9%)